TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2021/DS-ST
Ngày 19 tháng 3 năm 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Ông Trần Xươnne

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Ông Lâm Thanh Dũng-Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thụ lý số 406/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T; địa chỉ: ấp N, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Bị đơn:
1. Ông Nguyễn Ánh X
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết M

Cùng địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (ông X và bà M có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 11/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Vào ngày 13/11/2019 âm lịch, bà T có cho vợ chồng ông Nguyễn Ánh X, bà Nguyễn Thị Tuyết M vay 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng. Khi vay có làm biên nhận, hẹn đến tháng 3/2020 sẽ trả, nhưng đến nay vợ chồng ông X, bà M không trả vốn cũng không đóng lãi. Đến ngày 13/12/2019 âm lịch, bà T tiếp tục cho vợ chồng ông X, bà M vay 20.000.000 đồng, có làm biên nhận, hẹn tháng 3/2020 sẽ trả, nhưng đến nay cũng không trả; tổng cộng số tiền của 02 lần vay là 70.000.000 đồng. Nay bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông

Nguyễn Ánh X, bà Nguyễn Thị Tuyết M trả số tiền 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Trước đây cách nay khoảng gần 02 năm, bà và chồng của bà là ông Nguyễn Ánh X có đến nhà bà T vay 20.000.000 đồng lãi 10%/tháng, khi vay có làm giấy nợ nhưng chỉ có ông X ký. Sau khi vay có đóng lãi được một thời gian nhưng không nhớ được bao nhiêu lần, khi đóng lãi bà cũng không có yêu cầu làm giấy tờ, đến tháng 6/2020 âm lịch thì ngưng không đóng lãi nữa cho đến nay; sau đó ông X một mình vay của bà T thêm 2-3 lần số tiền là 50.000.000 đồng, lúc ông X vay thì bà M không biết nhưng sau này ông X có nói lại cho bà biết là có, tuy không có trực tiếp tham gia nhưng số tiền này bà M cũng đồng ý sẽ cùng với ông X chịu trách nhiệm để thanh toán lại cho bà T. Như vậy bà M thừa nhận vợ chồng bà còn nợ bà T và đồng ý trả 02 khoản vay với số tiền 70.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh kinh tế hiện nay khó khăn nên xin trả dần theo khả năng mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 70.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Ánh X trình bày: Ông X đồng ý với toàn bộ phần trình bày của vợ ông là Nguyễn Thị Tuyết M, ông cho biết các lần Tòa án triệu tập hòa giải ông bận việc làm ăn nên không đến Tòa được; ông X thừa nhận có vay mượn của bà T nhiều lần, mỗi lần đều có làm biên nhận nợ do ông tự viết, cũng có lần làm biên nhận mới thay thế cho biên nhận cũ mỗi khi vay mượn thêm tiền của bà T; khi vay mượn thì ông cũng có trả lãi nhưng không làm biên nhận. Ông X xác nhận 02 giấy tay biên nhận nợ với tổng số tiền 70.000.000 đồng mà bà T cung cấp cho Tòa án đúng là chữ viết của ông. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông cũng thừa nhận vợ chồng ông còn nợ số tiền 70.000.000 đồng và đồng ý trả nhưng xin được trả dần theo khả năng như ý kiến của vợ ông ở phần trên.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà T khởi kiện có cung cấp cho Tòa án 02 biên nhận nợ vay với tổng số tiền 70.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng bà M, ông X cùng có trách nhiệm trả; số tiền này đã được bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M thừa nhận vợ chồng bà vay mượn của bà T là có thật và đến nay vẫn chưa hoàn trả; đồng thời, các biên nhận nợ được bị đơn ông Nguyễn Ánh X thừa nhận là chữ viết của ông, do ông tự viết không bị ai ép buộc, các đương sự trong vụ án đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; mặt khác, về trách nhiệm liên đới của vợ chồng khi thực hiện các giao dịch dân sự của hộ gia đình, thì vợ chồng phải cùng có trách nhiệm chung về quyền lợi và nghĩa vụ, cùng

có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự và các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Từ phân tích trên, có căn cứ xác định vợ chồng bà M, ông X còn nợ bà T 70.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà M, ông X phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà T số tiền này theo quy định tại các Điều 280, 288 và 466 của Bộ luật Dân sự; đối với yêu cầu trả dần của bà M sẽ thuộc thẩm quyền giải quyết ở giai đoạn thi hành án.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ánh X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ánh X phải liên đới chịu 3.500.000 đồng *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng)*.

2.2. Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 1.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008712 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu